

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/HS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Sửu và Bà Đinh Thị Lương Oanh

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Cao Đăng - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Lý Thị T, sinh năm 1977 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 01, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đoàn Văn N (đã chết) và bà Lý Thị Kim C (đã chết); bị cáo có chồng là anh Huỳnh Văn T (đã chết) và 01 người con sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2020 cho đến ngày 05/8/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, bị cáo được tại ngoại “có mặt”.

Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T (tên gọi khác: D), sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 1B, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đoàn Thị Kim T, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 01, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Bà Bùi Thị Thị H, sinh năm 1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 02/6/2020, Lý Thị T đến nhà chị Nguyễn Thị Ngọc T chơi (T là dì ruột chị T) thì không có chị T ở nhà. Do T hay đến nhà chị T chơi nên T biết được chị T cất giấu vàng ở bên dưới gối đầu trong phòng ngủ. Lúc này, do đang thiếu nợ tiền của một số người nên T nảy sinh ý định lấy trộm vàng của chị T để bán lấy tiền trả nợ. T đi vào bên trong phòng ngủ của chị T, dùng tay kiểm tra gối đầu trong phòng chị T thì thấy 01 hộp đựng mắt kính bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 vòng đeo tay bằng vàng 18K, 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K nên T đã lấy trộm số tài sản này rồi đem đến tiệm vàng Kim H 02, thuộc khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bán được số tiền 22.211.000 đồng. Số tiền này T sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 07/6/2020, Lý Thị T đã đến Công an phường T, thành phố Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra Công an thành phố Đ đã tạm giữ số tiền 2.961.000 đồng và thu giữ 01 đoạn camera ghi lại hình ảnh Lý Thị T bán vàng tại tiệm vàng Kim Hương 02.

Tại Bản kết luận định giá số 96/KLĐG ngày 10/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đ định giá: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 chiếc vòng tay bằng vàng 18K, 01 nhẫn vàng 18K, có tổng trọng lượng vàng 18K là 8,35 chỉ, trị giá 24.716.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lý Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Thị T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.961.000 đồng; tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 bì thư có chứa 01 đoạn camera ghi lại hình ảnh bị cáo Lý Thị T bán vàng tại tiệm vàng Kim H 02 được niêm phong, đóng dấu giáp lai.

Bị cáo Lý Thị T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản người phạm tội ra đầu thú, với kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng việc chị Nguyễn Thị Ngọc T sơ hở trong việc quản lý tài sản nên khoảng 15 giờ ngày 02/6/2020 sau khi vào nhà của chị T tại tổ 01B, khu phố T, phường T, thành phố Đ chơi, Lý Thị T đã lén lút vào bên trong phòng ngủ lấy trộm 01 hộp đựng mắt kính bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 vòng đeo tay bằng vàng 18K, 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K sau đó đem đến tiệm vàng Kim H 02, thuộc khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bán được số tiền 22.211.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 96/KLĐG ngày 10/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ định giá: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 chiếc vòng tay bằng vàng 18K, 01 nhẫn vàng 18K, có tổng trọng lượng vàng 18K là 8,35 chỉ, trị giá 24.716.000 đồng.

Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 24.716.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích tiêu xài và trả nợ mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi

của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ hình phạt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại; người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét trong việc lượng hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại; người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó xét không cần thiết phải cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với chị Bùi Thị T H khi mua vàng của bị cáo Lý Thị T thì chị H không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được bà Đoàn Thị Kim T là em gái bị cáo T bồi thường số tiền tương ứng với giá trị tài sản là số vàng đã mất. Cả chị T và bà T không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với số tiền 2.961.000 đồng bị cáo T giao nộp, do đây là số tiền có được từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 bị thư có chứa 01 đoạn camera ghi lại hình ảnh Lý Thị T bán vàng tại tiệm vàng Kim H 2 được niêm phong, đóng dấu giáp lai.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lý Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lý Thị T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trường hợp bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.961.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001828, quyển số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND Thành phố Đ;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS Thành phố Đ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA Thành phố Đ;*
- *UBND phường T;*
- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An